

# KHỞI NGHĨA KHÚC THỪA DỤ VÀ DANH XƯNG NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHÍNH QUYỀN HỌ KHÚC, HỌ DƯƠNG MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN XÁC MINH

NGUYỄN THANH TUYỀN\*

Đến đầu thế kỉ X, sau hơn 1.000 năm đấu tranh giành lại đất nước, nhân dân ta đã đánh đổ nền thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc, hiên ngang đưa đất nước bước vào thời đại độc lập, tự chủ. Khúc Thừa Dụ là người lãnh đạo nhân dân nổi dậy và thiết lập một bộ máy chính quyền riêng do ông đứng đầu, đặt cơ sở để tiến tới nền độc lập hoàn toàn vào năm 938. Chính quyền họ Khúc truyền nối được ba đời và tồn tại đến năm 930. Dương Đình Nghệ là người kế tục họ Khúc và cầm quyền được 7 năm (931 - 937). Đó là những nét đại cương về sự nghiệp của họ Khúc, họ Dương trong lịch sử Việt Nam những năm đầu thế kỉ X. Tuy nhiên, xung quanh cuộc khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ cũng như quá trình tồn tại của chính quyền họ Khúc, họ Dương vẫn còn một số vấn đề cần xác minh thêm, nổi bật là ba vấn đề sau:

- Thời gian mở đầu của khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ.

- Quá trình chuẩn bị khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ.

- Danh hiệu tự xưng của những người đứng đầu chính quyền họ Khúc, họ Dương.

Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu tìm hiểu các vấn đề trên.

## 1. Về thời điểm mở đầu của khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ

Cuốn sử xưa nhất của Việt Nam đến nay còn giữ được là *Đại Việt sử lược* (Việt sử lược), không rõ tác giả, soạn trong thế kỉ XIV dưới thời Trần. *Đại Việt sử lược* không chép về Khúc Thừa Dụ, chỉ chép Khúc Hạo làm Tiết độ sứ từ năm 907, kế đó đến Khúc Thừa Mĩ (1). Đến thế kỉ XV, Ngô Sĩ Liên khi biên soạn bộ quốc sử *Đại Việt sử kí toàn thư* cũng không nhắc đến Khúc Thừa Dụ mà chỉ chép về Khúc Hạo và con là Khúc Thừa Mĩ; cha con Khúc Hạo - Khúc Thừa Mĩ làm Tiết độ sứ từ năm 907 đến năm 923 (2).

Sau Ngô Sĩ Liên, nhà sử học Lê Tung (đầu thế kỉ XVI) là người đầu tiên xác nhận chính quyền họ Khúc truyền nối được ba đời, từ Tiên Chúa đến Trung Chúa, Hậu Chúa (3). Đến thế kỉ XVIII, theo xác minh của nhà bác học Lê Quý Đôn thì Khúc Tiên Chúa có tên là Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo và Khúc Thừa Mĩ là con cháu của Khúc Thừa Dụ (4). Theo đó thì Khúc Thừa Dụ phải nổi dậy và cầm quyền từ trước năm 907.

Tiếp đó, bộ quốc sử thời Tây Sơn là *Đại Việt sử kí tiền biên*, trên cơ sở thu thập thêm các tư liệu liên quan, đặc biệt là tư

\*ThS. Nhà xuất bản Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

liệu dã sử, dã ghi chép khá đầy đủ về ba đời họ Khúc. Về Khúc Thừa Dụ, bộ sử này cho biết: “Bính Dần [906] (Đường Thiên Hựu năm thứ 3), mùa Xuân, tháng Giêng, thăng cho Tĩnh Hải quân tiết độ sứ là Khúc Thừa Hựu chức Đồng bình chương sự. Trước đây Giao Châu loạn, Tiết độ là Tăng Cồn bỏ thành chạy về Bắc. Thừa Hựu vốn là thổ hào, tự xưng là Tiết độ rồi xin mệnh với nhà Đường, vua Đường nhân đó trao cho chức ấy” (5). Về sự kiện Tăng Cồn bỏ thành chạy, cũng sách này viết rằng: “Canh Tý [880] (Đường Hy Tông, Quảng Minh năm thứ 1), mùa Xuân, tháng 3, Tù trưởng Nam Chiếu là Pháp (Long đã chết, con là Pháp lên thay) vào cướp phá. Lúc ấy Cao Biền chuyển sang Trấn Hải, Thôi An Tiềm làm Tiết độ Tây Xuyên. Nam Chiếu biết Thục mạnh, nên lại đánh úp An Nam và phá được thành. Đô hộ là Tăng Cồn (bản khác chép là Duệ) chạy sang Ung Phủ. Quân đóng thú cũng tan vỡ” (6).

Như vậy, bộ quốc sử thời Tây Sơn là tài liệu Việt Nam đầu tiên cho rằng Khúc Thừa Dụ nổi dậy khởi nghĩa vào năm 880. Quan điểm này của *Đại Việt sử kí tiền biên* được nhà sử học đời Thanh (Trung Quốc) là Ngô Lan Tu tán đồng và đưa vào sách *Nam Hán kỉ* do ông biên soạn ở nửa đầu thế kỉ XIX (dịch): “(Ngô) Lan Tu xét sách *Thông giám* chép (đại ý) rằng: người Giao Châu Khúc Thừa Dụ có con trai là Hạo, con trai Hạo là Thừa Mĩ, ba đời đều là Tĩnh Hải Tiết độ sứ. *Việt sử kí* chép rằng: Họ Khúc là người Hồng Châu, đời đời là cự tộc, ông nội là Thừa Dụ khoan hoà nhân ái, mọi người đều phục. Đời Đường, Tăng Cồn bỏ thành, Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ, xin mệnh với triều đình. Đường đế nhân đó trao cho chức ấy. (Khúc) Hạo dựa vào cơ nghiệp cũ, buổi đầu chiếm giữ La Thành, xưng là Tiết độ, phân định các xứ lộ, phủ, châu, xã, đặt các

chức chánh lệnh trưởng, tá lệnh trưởng, bình quân thuế ruộng, trừ bỏ lực dịch, chính sự cốt chuộng khoan hoà, giản dị, dân được nghỉ ngơi. Họ Khúc, ba đời, bắt đầu năm Canh Tý (880), kết thúc năm Canh Dần (930), cộng 51 năm. (Những điều này) hợp với (ghi chép của sách) *Thông giám*. *An Nam chí lược* chỉ chép có Hạo, Thừa Mĩ hai đời là lầm vậy” (7).

Trong khi đó, cũng vào thế kỉ XIX, Quốc sử quán triều Nguyễn khi soạn bộ quốc sử mới là *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã bỏ qua nhận định của *Đại Việt sử kí tiền biên*. Các tác giả của sách *Khâm định* dựa trên sự khảo cứu các thư tịch cổ của Trung Quốc, nhất là *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang (thời Tống, thế kỉ XI) để tái xác nhận sự tồn tại và cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ. Sách này viết: “Năm Bính Dần (906). (Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3). Tháng Giêng, mùa Xuân. Nhà Đường gia phong chức Đồng bình chương sự cho quan Tĩnh Hải quân tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ. Họ Khúc là một họ lớn lâu đời ở Hồng Châu. Thừa Dụ, tính khoan hoà, hay thương người, được dân chúng suy tôn. Gặp thời buổi loạn lạc, nhân danh là hào trưởng một xứ, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ và xin mệnh lệnh với nhà Đường; nhân thế vua Đường cho làm chức ấy” (8).

Theo như đoạn ghi chép này thì Khúc Thừa Dụ phải khởi sự trước thời điểm được nhà Đường công nhận là Tiết độ sứ, nghĩa là trước năm 906.

Các nhà sử học Việt Nam trong thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI đã có nhiều cố gắng trên cơ sở khai thác và phân tích các ghi chép của cổ sử Việt Nam và Trung Quốc để đi đến quan điểm cho rằng Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa vào năm 905. Chẳng hạn: Trong sách *Lịch sử Việt Nam, tập I* (1983), các tác

giả Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh cho biết: “Viên Tiết độ sứ cuối cùng mà nhà Đường cử được sang cai trị nước ta là Độc Cô Tổn... Sang nước ta vào tháng 4 năm 905, chưa đầy hai tháng y đã nổi danh “Ngục thượng thư” (Thượng thư ác). Vì không về phe đảng với Chu Toàn Trung, y bị biếm làm thứ sử Lệ Châu rồi ti hộ Quỳnh Châu trong đảo Hải Nam và bị giết chết trong khoảng tháng 6, tháng 7 năm 905. Sau khi Độc Cô Tổn, viên Tiết độ sứ ngoại tộc cuối cùng rời khỏi đất nước ta... Một người hào trưởng ở đất Hồng Châu (Hải Hưng) là Khúc Thừa Dụ, được dân chúng ủng hộ, đã tiến quân ra đánh chiếm phủ thành Tống Bình (Hà Nội); tự xưng là Tiết độ sứ, xóa bỏ thực chất của chính quyền đô hộ nhưng khéo léo lợi dụng bộ máy và danh nghĩa của bọn đô hộ cũ để chuyển sang giành quyền độc lập dân tộc một cách vững chắc” (9).

*Lịch sử Việt Nam* tập I do GS Phan Huy Lê chủ biên, cũng nêu rõ: “Tháng 4-905, Độc Cô Tổn được cử sang An Nam làm Tiết độ sứ thay cho Chu Toàn Dục. Độc Cô Tổn vốn là một Tể tướng dưới thời Đường Chiêu Tông bị bãi chức, vừa mới đến An Nam đã lừng danh là Ngục thượng thư (Thượng thư ác) và cũng vì mâu thuẫn nội bộ mà lập tức bị biếm chức rồi sau đó bị giết chết. Nhân cơ hội chính quyền trung ương nhà Đường đang đứng trước nguy cơ sụp đổ, chính quyền đô hộ của chúng ở An Nam không còn người đứng đầu, xã hội tan tác, hỗn loạn, Khúc Thừa Dụ được sự ủng hộ của dân chúng nổi dậy đánh chiếm La Thành, lật đổ chính quyền đô hộ của nhà Đường, tự xưng là Tiết độ sứ” (10).

Cơ sở chủ yếu để nhận định Khúc Thừa Dụ nổi dậy vào năm 905 là dựa theo ghi chép của sách *Tư trị thông giám*.

*Tư trị thông giám, quyển 265, Đường kỉ 81 (11):*

天祐二年春二月戊戌，以安南節度使、同平章事朱全昱為太師，致仕。全昱，全忠之兄也，驢樸無能，先領安南，全忠自請罷之。

三月戊寅，以門下侍郎、同平章事獨孤損同平章事，充靜海節度。

夏五月癸酉，貶獨孤損為棣州刺史，裴樞為登州刺史，崔遠為萊州刺史。辛巳，再貶裴樞為瀧州司戶，獨孤損為瓊州司戶，崔遠為白州司戶。

六月戊子朔，敕裴樞、獨孤損、崔遠、陸辰、王溥、趙崇、王贊等並所在賜自盡。時全忠聚樞等及朝士貶官者三十餘人於白馬驛，一夕盡殺之，投屍於河。

(Năm Thiên Hựu thứ 2 (năm 905), mùa Xuân, tháng 2, ngày Mậu Tuất, lấy Tiết độ sứ An Nam, Đồng bình chương sự là Chu Toàn Dục làm Thái sư, về trí sĩ. Toàn Dục là anh của Toàn Trung, ngu dần không có tài năng, lúc đầu lĩnh chức ở An Nam, đến đây Toàn Trung tự xin bãi chức đi. Tháng 3, ngày Mậu Dần (tức ngày 26-4), lấy Môn hạ Thị lang, Đồng bình chương sự là Độc Cô Tổn làm Đồng bình chương sự, sung Tĩnh Hải Tiết độ sứ. Mùa Hạ, tháng 5, ngày Quý Dậu (tức ngày 20-6), biếm Độc Cô Tổn làm Thứ sử Lệ Châu, biếm Bùi Xu làm Thứ sử Đẳng Châu, biếm Thôi Viễn làm Thứ sử Lai Châu; ngày Tân Tị (tức ngày 28-6), lại biếm Bùi Xu làm Ti hộ Lung Châu, Độc Cô Tổn làm Ti hộ Quỳnh Châu, Thôi Viễn làm Ti hộ Bạch Châu. Tháng 6, ngày Mậu Tí, mùng 1, hạ lệnh cho bọn Bùi Xu, Độc Cô Tổn, Thôi Viễn, Lục Ý, Vương Phổ, Triệu Sùng, Vương Tấn đều tự tận ở sở tại. Bấy giờ Chu Toàn Trung tự bọn Xu cùng 30 người là bọn triều sĩ bị biếm chức ở dịch trạm Bạch Mã, trong một đêm giết hết họ, ném xác xuống biển).

*Tư trị thông giám, quyển 265, Đường kỉ 81 (12):*

天祐三年春正月乙丑，加靜海節度使曲承裕同平章事。

(Năm Thiên Hựu thứ ba (906), mùa Xuân, tháng Giêng, ngày Ất Sửu, gia phong Tĩnh Hải Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ làm Đồng bình chương sự). Hồ Tam Tỉnh đời Nguyên sau câu này chú thích thêm: 曲承裕乘亂據有安南 (Khúc Thừa Dụ nhân loạn mà chiếm cứ An Nam).

Hai đoạn sử trên cho phép suy luận rằng: Độc Cô Tổn mất chức năm 905, đầu năm 906 nhà Đường đã phải công nhận Khúc Thừa Dụ, tức là Khúc Thừa Dụ phải nổi lên sau khi Độc Cô Tổn bị triệu hồi và trước thời điểm đầu năm 906, nghĩa là chỉ trong năm 905. Niên điểm này cũng được các nhà sử học Trung Quốc ngày nay chấp thuận. Trong sách *Việt Nam thông sử* có đoạn: “Công nguyên năm 905, Tĩnh Hải Tiết độ sứ của nhà Đường tại An Nam là Độc Cô Tổn bị biếm chức và lưu phóng ra đảo Hải Nam, thổ hào ở Hồng Châu là Khúc Thừa Dụ thừa cơ hội tự xưng là Tiết độ sứ, quản hạt An Nam (13).

Tóm lại, quanh thời điểm Khúc Thừa Dụ bắt đầu nổi dậy, giới sử học Việt Nam và Trung Quốc từ xưa đến nay đã chỉ định hai mốc thời gian là năm 880 và năm 905. Trong đó, mốc năm 905 được chấp nhận và phổ biến rộng rãi. Tuy nhiên, khi xem xét lại một số sử liệu có liên quan, chúng tôi thấy cả hai niên điểm này đều có phần chưa phù hợp.

Trước tiên nói về mốc năm 880 mà *Đại Việt sử kí tiền biên* đưa ra. Sách này cho rằng năm 880, tại An Nam xảy ra biến loạn khiến Tiết độ sứ Tăng Cổn bỏ thành mà chạy và Khúc Thừa Dụ nhân đó chiếm thành Đại La, tự xưng Tiết độ sứ, đến năm 906 mới được nhà Đường thừa nhận. Thực ra, không có căn cứ để quả quyết sau khi Tăng Cổn bỏ chạy thì nhà Đường đã để quyền kiểm soát An Nam rơi vào tay họ Khúc. Một số thư tịch khác như *Cửu quốc*

*chí*, *Tân Đường thư*, *Tân Ngũ đại sử*, *An Nam chí* cũng cho biết đại lược về những viên Tiết độ sứ sau Tăng Cổn như Cao Mậu Khanh, Tạ Triệu, An Hữu Quyền, Tôn Đức Chiêu, Chu Toàn Dục (14)... Các thông tin trên khiến quan điểm Khúc Thừa Dụ khởi sự năm 880 không thể đứng vững.

Đối với mốc thời gian năm 905, tất cả sách vở viết về lịch sử ở Việt Nam ngày nay đều thống nhất đó là thời điểm Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa. Tuy nhiên, nếu phân tích kĩ hơn các ghi chép của cổ sử Trung Hoa về những viên Tiết độ sứ cuối cùng của nhà Đường ở An Nam, chúng ta thấy xung quanh niên điểm này còn có điểm chưa hợp lí.

Theo sách *Đường thứ sử khảo toàn biên*, sau Tăng Cổn và trước Khúc Thừa Dụ, nhà Đường đã cử những người sau làm An Nam đô hộ (15):

STT	Tên nhân vật	Thời gian giữ chức
1	Cao Mậu Khanh	882
2	Tạ Triệu	884
3	An Hữu Quyền	897-900
4	Tôn Đức Chiêu	901
5	Chu Toàn Dục	904
6	Độc Cô Tổn	905

Trong 6 nhân vật trên thì ba người đầu thực sự đã đến và cai quản nước ta. Ba người còn lại đều có “vấn đề” với chức Tiết độ sứ An Nam của họ.

Về Tôn Đức Chiêu: Trong sách *Cửu Đường thư, quyển 20 thượng, bản kỉ thứ 12 thượng, Chiêu Tông* (16), có đoạn:

天復元年春正月...庚寅·制以孫德昭為安南節度·檢校太保·以周承誨為邕州刺史·邕管節度經略使·以董彥弼為容州刺史·容管節度等使·並檢校太保·同平章事·

(Năm Thiên Phục thứ nhất (901), mùa Xuân, tháng Giêng... Ngày Canh Dần, phong Tôn Đức Chiêu làm An Nam Tiết độ, Kiểm hiệu Thái bảo; phong Chu Thừa Hối làm Ung Châu Thứ sử, Ung Quán Tiết độ

Kinh lược sứ; phong Đổng Ngạn Bật làm Dung Châu Thứ sử, Dung Quán Tiết độ, (cả Thừa Hối và Ngạn Bật) đều làm Kiểm hiệu Thái bảo, Đồng bình chương sự).

*Tân Ngũ đại sử, quyển 43, Tạp truyện thứ 31, Tôn Đức Chiêu truyện* (17) chép rõ hơn:

天复元年正月...以功拜静海軍節度使·賜姓李·號「扶傾濟難忠烈功臣·與承誨等皆拜節度使·同中書門下平章·圖形凌煙閣·俱留京師·號「三使相」。

(Năm Thiên Phục thứ nhất, tháng giêng, (Đường Chiêu Tông) nhân công lao (của Đức Chiêu) nên thăng Đức Chiêu làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ, ban họ Lý, danh hiệu Phù Khuynh Tế Nan Trung Liệt Công Thần, cùng với bọn Thừa Hối đều thăng làm Tiết độ sứ, Đồng Trung thư Môn hạ Bình chương sự, đều lưu trú ở kinh sư, gọi là Tam Sứ Tướng).

Ghi chép của *Tân Ngũ đại sử* cho biết Tôn Đức Chiêu là một công thần của Đường Chiêu Tông, tuy được phong làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ nhưng được tin cậy giữ lại triều đình. Với thực tế này, Tôn Đức Chiêu không thể trực tiếp cai quản An Nam cũng như không có thực quyền tại đây. Nói cách khác, Tôn Đức Chiêu chưa từng đặt chân đến An Nam.

Về Chu Toàn Dục, trong ghi chép của chính sử Trung Hoa có sự mâu thuẫn về việc nhân vật này đã từng làm Tiết độ sứ ở An Nam. *Tư trị thông giám, quyển 265* cho biết Toàn Dục từng làm An Nam đô hộ rồi Thái sư trí sĩ. Nhưng *Tân Ngũ đại sử, quyển 13, Lương gia nhân truyện đệ nhất, Quảng Vương Toàn Dục* (18) lại chép Toàn Dục từng làm 嶺南西道節度使以太師致仕 (Lĩnh Nam Tây đạo Tiết độ sứ rồi Thái sư trí sĩ); mà Lĩnh Nam Tây đạo thì, theo như *Tân Đường thư* (soạn trong thế kỉ XI thời Bắc Tống), *Quyển 43 thượng, Chí thứ 33 thượng, Lĩnh Nam đạo* (19):

嶺南道·蓋古揚州之南境·漢南海·郁林·蒼梧·珠崖·儋耳·交趾·合浦·九真·日南等郡·韶·廣·康·端·封·梧·藤·羅·雷·崖以東為星紀分·桂·柳·郁林·富·昭·蒙·龔·繡·容·白·羅而西及安南為鶉尾分·為州七十有三·都護府一·縣三百一十四·其名山·黃嶺·靈洲·其大川·桂·鬱·

(Lĩnh Nam đạo thuộc phía nam đất Dương Châu thời xưa; Hán là các quận: Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Chu Nhai, Đàm Nhĩ, Giao Chỉ, Hợp Phố, Cửu Chân, Nhật Nam. (Các châu như) Thiều, Quảng, Khang, Đoan, Phong, Ngô, Đằng, La, Lô, Nhai thuộc về Đông đạo, ứng vào sao Tinh Kỉ. (Các châu như) Quế, Liễu, Uất Lâm, Phú, Chiêu, Mông, Cung, Tú, Dung, Bạch, La thuộc về Tây đạo, cùng với An Nam đều ứng vào địa phận sao Thuần Vĩ. (Lĩnh Nam đạo) có 73 châu, 1 Đô hộ phủ, 314 huyện; núi danh tiếng có Hoàng Lĩnh, Linh Châu; sông lớn có Quế, Uất).

Đoạn sử liệu trên cho biết An Nam là một bộ phận của Lĩnh Nam đạo, nhưng có sự phân biệt giới phận với Đông đạo và Tây đạo và không thống thuộc Lĩnh Nam Tây đạo.

Sách *Cựu Đường thư* (soạn đầu thế kỉ X), *Quyển 38, Chí thứ 18, Địa lí nhất* cho biết từ niên hiệu Chí Đức (756-758) thời Đường Túc Tông trở đi, Trung Quốc phải dụng binh thường xuyên nên phiên trấn các địa phương đều có đội quân riêng, tự giữ đất đai. Nhà Đường phong họ làm Tiết độ sứ. Mỗi Tiết độ sứ quản một vùng riêng. Sách này chép rõ phạm vi quản hạt của từng Tiết độ sứ, trong đó, đã phân biệt rõ địa bàn quản lí của Lĩnh Nam Đông đạo, Lĩnh Nam Tây đạo và An Nam Đô hộ phủ. Sách viết (20):

嶺南東道節度使·治廣州·管廣·韶·循·崗·恩·春·賀·潮·端·藤·康·封·灑·高·義·新·勤·竇等州。

嶺南西道桂管經略觀察使·治桂州·管桂·昭·蒙·富·梧·潯·龔·鬱林·平琴·賔·澄·繡·象·柳·融等州。安南都護節度

使。治安南府，管交、武峨、粵、芝、愛、福祿、長、峰、陸、廉、雷、籠、環、崖、儋、振、瓊、安等州。

*(Linh Nam Đông đạo Tiết độ sứ: trị sở ở Quảng Châu, quản lí các châu Quảng, Thiều, Tuần, Cương, Ân, Xuân, Hạ, Triều, Doan, Đằng, Khang, Phong, Lang, Cao, Nghĩa, Tân, Càn, Đậu.*

*Linh Nam Tây đạo Quế Quận Kinh lược Quan sát sứ: trị sở ở Quế Châu, cai quản các châu Quế, Chiêu, Mông, Phú, Ngô, Tâm, Cung, Uất Lâm, Bình Cầm, Tân, Trưng, Tú, Tượng, Liễu, Dung.*

*An Nam Đô hộ Tiết độ sứ: trị sở ở An Nam phủ, cai quản các châu Giao, Vũ Nga, Việt, Chi, Ái, Phúc Lộc, Trường, Phong, Lục, Liêm, Lôi, Lung, Hoàn, Nhai, Đam, Chấn, Quỳnh, Vạn An).*

Sách *Đại Việt sử kí tiền biên* cho biết: “Toàn Dục là anh Toàn Trung, chỉ ở xa linh chức chứ không phải thực sự đến trấn lĩnh” (21).

Về Độc Cô Tổn, sách *Tư trị thông giám* (đoạn đã dẫn ở trên) cho biết nhân vật này được cử làm Tiết độ sứ vào ngày 26 - 4 - 905 để thay Chu Toàn Dục. Đến ngày 20 - 6 cùng năm, Độc Cô Tổn bị biếm chức và sau đó thì bị giết. Theo khảo chứng của Phạm Lê Huy, để đi từ kinh đô Trường An xuống An Nam phải mất khoảng 2 - 4 tháng; nếu chạy ngựa trạm liên tục thì khoảng 2 tháng, nếu đi bình thường mất chừng 4 tháng (22). Độc Cô Tổn chỉ có chưa đầy 2 tháng (55 ngày) vừa đi vừa giữ chức Tiết độ sứ. Tất nhiên Độc Cô Tổn không gấp gấp đến mức đi ngày đêm như ngựa trạm. Vì vậy, khoảng thời gian 2 tháng là quá ít để người này đến được An Nam.

Trong sách *Đường thư sử khảo toàn biên*, khi viết về Tiết độ sứ Độc Cô Tổn ở An Nam đô hộ phủ, tác giả Uất Hiên Hạo trích dẫn các tư liệu nhắc đến việc Độc Cô Tổn được cử làm An Nam đô hộ, Tĩnh Hải quân

Tiết độ sứ như *Cựu Đường thư, Tư trị thông giám, Đường đại chiếu lệnh tập...* và ghi chú ngắn gọn rằng: “*vị chi nhậm*” (23) (nghĩa là chưa đến nhậm chức). Từ đó, chúng ta có thêm cơ sở để cho rằng quả thực Độc Cô Tổn chưa từng đến nước ta.

Tôn Đức Chiêu không sang An Nam cai trị là điều đã rõ ràng. Độc Cô Tổn chưa đến An Nam đã bị gọi về và bị giết. Chu Toàn Dục được biết đến là người nắm quyền trong thời gian xen giữa hai người Tôn, Độc nhưng cả hai bộ sử là *Tư trị thông giám, Tân Ngũ đại sử* cùng biên soạn dưới thời Tống lại chỉ định chức Tiết độ sứ ở không gian địa lí khác nhau. Riêng chức vụ Linh Nam tây đạo Tiết độ sứ được ghi trong *Tân Ngũ đại sử*, một số dị bản của sách này còn chép là Sơn Nam Tây đạo Tiết độ sứ. Cũng cần lưu ý rằng các thư tịch cổ của Việt Nam như *Việt sử lược, Đại Việt sử kí toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục...* đều chép Chu Toàn Dục từng cai trị nước ta. Những bộ sử này ra đời sớm nhất cũng từ thế kỉ XIV, trong khi viết lịch sử nước nhà thời Bắc thuộc tất nhiên phải tham khảo sử tịch Trung Hoa vì trong thời Bắc thuộc nước ta chưa có sử sách riêng. Sự đồng thời ghi nhận việc Chu Toàn Dục từng cai trị nước ta của thư tịch Việt Nam hẳn là dựa theo sách *Tư trị thông giám* thời Tống, do vậy chưa đủ sức thuyết phục để bác bỏ ghi chép của *Tân Ngũ đại sử* cho rằng Chu Toàn Dục làm Tiết độ sứ ở một nơi khác. Chu Toàn Dục có trị nhậm ở nước ta hay không vẫn là điều tồn nghi, cần thêm các nguồn tư liệu khác để kiểm chứng và khẳng định.

Như vậy, nếu tin rằng sau khi Độc Cô Tổn sang thay Chu Toàn Dục rồi bị triệu hồi, và từ đó chính quyền đô hộ mới không có chủ, tạo điều kiện để Khúc Thừa Dụ nổi dậy vào năm 905 thì vô hình trung, chúng

ta dường như đã gạt bỏ những điều còn tồn nghi và chỉ tuân theo một quan điểm nhất định được xác lập từ *Tư trị thông giám*. Điều này là chưa khách quan. Thời điểm Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa có phải năm 905 hay không do vậy chưa thể khẳng định chắc chắn, vẫn cần phải khảo cứu thêm.

Chúng tôi tạm đặt giả thiết rằng: Kể từ khi Tăng Cổn phải bỏ chạy khỏi thành Đại La năm 880 (24), nhà Đường ngày càng khó kiểm soát An Nam. Sự thay đổi hàng loạt Tiết độ sứ (trên thực tế lẫn danh nghĩa) tại An Nam sau Tăng Cổn như Tạ Triệu, An Hữu Quyền, Tôn Đức Chiêu, Chu Toàn Dục, Độc Cô Tôn cho thấy sự bất lực của chính quyền trung ương nhà Đường trong kiểm soát An Nam, đồng thời cho thấy sức li tâm chính trị tại An Nam đang ngày càng lớn. Theo ghi chép của sách *Tân Ngũ đại sử, quyển 65, Nam Hán thế gia*, thì cuối thời Đường, vùng Nam Hải loạn sau cùng, từ thời Đường Hy Tông (873-888) trở đi, các đại thần đến trấn giữ đều không thể ở được, những người như Lưu Ẩn, Khúc Hạo, Lưu Sĩ Chính... đều nổi lên tự giữ đất đai... (25).

Bước sang thế kỉ X, kể từ năm phong Tôn Đức Chiêu làm Tiết độ sứ, nhà Đường tuy vẫn cố nắm lấy An Nam nhưng thực tế không có viên quan nào thực sự sang trấn nhậm khiến chính quyền đô hộ như rắn mất đầu. Có thể Chu Toàn Dục đích thực đã được phong Tiết độ sứ để quản trị An Nam nhưng chỉ giữ chức từ xa như ghi nhận của *Đại Việt sử kí tiền biên*. Điều này tạo khoảng trống quyền lực nơi thượng tầng của bộ máy thống trị. Các thủ lĩnh, hào trưởng người Việt có tinh thần dân tộc đã nhân cơ hội này để từng bước nắm lấy chính quyền. Khúc Thừa Dụ được lịch sử ghi nhận là vị thủ lĩnh đã giành được thắng lợi cuối cùng. Cuộc dấy nghĩa do ông

phát động và lãnh đạo đã nổ ra trong những năm đầu tiên của thế kỉ X và trước năm 905. Đến năm 906, nhà Đường buộc phải chấp nhận sự đã rồi.

## 2. Về quá trình chuẩn bị khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ

Nguồn tài liệu cổ sử Việt Nam và Trung Hoa chỉ ghi nhận chung chung là Khúc Thừa Dụ nhân loạn chiếm cứ An Nam rồi xin nhà Đường phong làm Tiết độ sứ. Khúc Thừa Dụ xuất thân cự tộc, sẵn có uy thế với nhân dân trong vùng, đó là điều thuận lợi để ông có thể hô hào dân chúng nổi dậy. Nhưng để khởi sự thành công, Khúc Thừa Dụ nhất định phải có bước chuẩn bị dù ngắn hay dài. Chính sử không ghi nhưng kí ức dân gian vẫn lưu truyền một số thông tin về quá trình chuẩn bị đó. Ở Vạn Tiên Sinh người tỉnh Hà Tĩnh ngày nay, sống vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX. Ông nổi tiếng hay chữ, đã để lại cho đời một số thơ văn, trong đó có quyển *Bán đại văn* (Nửa đời nghe) viết bằng chữ Nôm có xen lẫn một ít chữ Hán (26). Sách có chép hai câu chuyện truyền đời về Khúc Thừa Dụ trước khi ông nổi dậy giành chính quyền, đã được Nguyễn Khắc Thuần dịch và giới thiệu như sau:

*"Chuyện thứ nhất kể rằng*, thời ấy, dân Hồng Châu đã có tục chọi trâu. Làng nào có trâu thắng cuộc thì vinh dự lắm nên ai cũng chăm chút cho trâu làng mình. Họ còn lòng mua trâu chọi ở những miền rất xa.

Làng của Khúc Thừa Dụ chưa năm nào giật nổi giải nhất. Dân làng gom tiền đi mua những con trâu thật to, thật khỏe nhưng kết quả cũng chẳng khá hơn. Thấy làng mình năm nào cũng thua cuộc, Khúc Thừa Dụ, lúc đó mới lên mười, bèn thưa với cha và các bậc chức sắc rằng:

"Năm nay làng mình chẳng cần tốn công của đi mua trâu tốt làm gì ạ! Mấy con trâu chọi năm ngoái đã quá đủ để thắng cuộc

rồi! Năm nào mỗi làng cũng đem đến ba con trâu nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng. Trâu ở đẳng nào thì chọi ở hạng ấy. Nay nếu lấy trâu nhất đẳng của làng ta chọi với trâu nhất đẳng của làng bên thì trâu làng ta thua, trâu nhị đẳng và trâu tam đẳng cũng vậy... Nhưng trâu nhất đẳng của làng ta lại thắng trâu nhị đẳng của làng bên, trâu nhị đẳng của làng ta thắng trâu tam đẳng của làng bên. Vậy ta lấy trâu tam đẳng của ta chọi với trâu nhất đẳng của làng bên, dĩ nhiên ta thua. Sau đó, ta lấy trâu nhất đẳng của làng ta chọi với trâu nhị đẳng của làng bên, lấy trâu nhị đẳng của làng ta chọi với trâu tam đẳng của làng bên. Hai trận sau ta thắng, rốt cuộc ta thắng”.

Ai cũng khen đó là diệu kế. Và năm ấy, trâu của làng Khúc Thừa Dụ giết giải. Sau chuyện này, ai cũng tin rằng Khúc Thừa Dụ sẽ lập nên công danh sự nghiệp khiến trăm họ được nhờ.

*Chuyện thứ hai kể rằng*, bấy giờ, Khúc Thừa Dụ đã là một hào trưởng. Ông mở cửa chiêu nạp hào kiệt, tráng sĩ bốn phương, nhận làm gia khách để che mắt bọn quan lại nhà Đường, chuẩn bị khởi nghĩa. Giặc biết chuyện, sai một toán quân mượn cớ đến thăm Khúc Thừa Dụ để do thám thực hư. Có người xin ra giết bọn do thám rồi dẫn quân đánh thẳng xuống Tống Bình. Nhưng Khúc Thừa Dụ nói: “Nay giặc tuy yếu nhưng ta cũng chưa mạnh, đánh thắng trận nhỏ chẳng đủ bù cho thất bại lớn sau này”.

Rồi Khúc Thừa Dụ sai người già ớt hiểm, trộn với muối, bỏ vào một túi vải và đem cột chặt vào hạ bộ mấy con trâu chọi. Sau đó, ông sai người dẫn trâu ra đầu đoạn đường hẹp chờ sẵn. Khi bọn giặc đến giữa đoạn đường hẹp, ông cho đội nước sôi vào túi muối ớt khiến trâu lồng lên, chạy thực mạng, gặp ai cũng húc. Bị bất ngờ, bọn lính hoảng sợ bỏ chạy. Có kẻ chậm chân, bị trâu

húc chết. Bọn lính chạy mất dạng, Khúc Thừa Dụ cho người nhặt xác giặc đem về dinh đô hộ, lại tỏ vẻ xót thương khiến giặc không trách cứ gì được” (27).

Những thông tin trong sách *Bán đại văn* là sự văn bản hoá kí ức dân gian qua nhiều thế hệ, mang tính chất của truyền thuyết lịch sử. Nó phản ánh một thực tế lịch sử về sự thông minh cùng quá trình chuẩn bị trước khi khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ. Nhưng quá trình chuẩn bị này, gắn với các nội dung như chiêu tập lực lượng, sắm sửa vũ khí, tích trữ lương thảo, cố kết nhân tâm, vạch kế hoạch hành động và phân công người thực hiện..., đã diễn ra như thế nào? Cho đến nay, không một nguồn sử liệu nào trực tiếp cho biết những điều đó. Các nguồn sử liệu khác nhau chỉ cung cấp những thông tin gián tiếp để nhận thức vấn đề một cách tương đối. Chúng tôi ghi lại dưới đây theo chính sử và thần tích, ngọc phả, văn bia... một số thế lực/hào trưởng địa phương/thủ lĩnh thời Khúc-Dương, đồng thời nêu lên thái độ chính trị của họ, nhằm tìm hiểu sự phát triển thế lực của họ Khúc trong thời gian dòng họ này nổi dậy và nắm quyền, qua đó cung cấp thêm góc nhìn về giai đoạn chuẩn bị khởi sự của Khúc Thừa Dụ.

- Họ Dương của Dương Đình Nghệ ở Ái Châu (Thanh Hóa).

- Họ Lê của Lê Lương ở Ái Châu (Thanh Hóa): là một cự tộc đời nối đời. Đến đời Lê Lương thì “gia thế giàu thịnh, nhà thường chứa hơn trăm lẫm thóc; môn khách thường có tới ba nghìn. Ông dốc lòng làm việc thiện, tôn sùng tượng giáo... Lúc bấy giờ trong châu quận bị mất mùa đói kém, ông xuất thóc của nhà cấp phát cho dân. Về sau Đinh Tiên Hoàng biết ông là người có đạo nghĩa bèn phong tước Kim tử quang lộc đại phu, cho làm Đô đốc dịch sứ quận Cửu Chân, châu Ái” (28).



- Họ Nguyễn của thiên sư Định Không ở Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh), “thế vi hữu tộc” (đời đời là vọng tộc) (29).

- Họ Lý ở Siêu Loại (Thuận Thành, Bắc Ninh). Sứ quân Lý Khuê ở thời sau là người của dòng họ này. Họ Lý được giới Phật giáo trong vùng hết lòng ủng hộ và nâng đỡ (30).

- Họ Ngô của châu mục Ngô Mân ở Đường Lâm (Hà Nội), “đời đời là quý tộc” (31). Con Ngô Mân là Ngô Quyền.

- Họ Kiều của Kiều Công Tiễn ở Phong Châu (Phú Thọ, Vĩnh Phúc). Hai sứ quân Kiều Công Hãn và Kiều Thuận ở thời sau đều là cháu nội của Kiều Công Tiễn.

- Họ Đinh của Đinh Công Trứ ở Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh). Đinh Công Trứ là cha của Đinh Bộ Lĩnh (Đinh Tiên Hoàng).

- Họ Phạm ở Trà Hương (Nam Sách, Hải Dương). Những người tiêu biểu trong họ này là Phạm Lệnh Công, Phạm Bạch Hổ. Phạm Bạch Hổ theo gia phả là con Phạm Lệnh Công, trở thành thủ lĩnh đất Đằng Châu (Hưng Yên). Sau theo giúp Dương Đình Nghệ.

- Họ Nguyễn của ba anh em Nguyễn Siêu, Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp. Theo thần tích xã Văn Uyên và xã Đông Phù Liệt, Thanh Trì, Hà Nội thì họ là cháu của Nguyễn Hãn - một danh tướng Bắc triều. Con của Nguyễn Hãn là Nguyễn Nê đem quân sang nước Việt đòi họ Khúc triều cống nhưng không thành. Nguyễn Nê dựng bản doanh ở Thanh Quả, lấy vợ Việt và sinh ra ba con trai. Sau khi Nguyễn Nê chết, ba anh em tranh nhau giữ binh quyền, theo mẹ ở nước Việt gây nghiệp, người nào cũng nhiều của cải, nhiều quân quyền (32).

- Họ Trần của Trần Lâm ở Bồ Hải Khẩu (Thái Bình). Theo thần tích Dũng Quốc Công Trần Minh Công sự tích, cha của

Trần Lâm vốn người Quảng Đông, Trung Quốc, sang nước ta và “cứ trị” tại Bồ Hải Khẩu. Đến Trần Lâm thừa hưởng cơ nghiệp và thế lực của cha, sau trở thành một sứ quân (33).

- Đỗ Cảnh Thạc: tự chiêu tập lực lượng, tạo thế lực riêng, sau sáp nhập với Ngô Quyền (34).

Tất cả các thế lực nói trên đều ít nhiều có liên hệ hoặc có thiện cảm/không chống đối với họ Khúc. Dương Đình Nghệ từng theo giúp họ Khúc và trở thành bộ tướng của Khúc Hạo. Cha con Nguyễn Nê không theo cũng không chống cự họ Khúc. Họ Lê ở Ái Châu, họ Lý ở Siêu Loại, họ Nguyễn ở Cổ Pháp, họ Ngô ở Đường Lâm, họ Kiều ở Phong Châu đều là các thế lực cùng thời với họ Khúc. Những người thuộc các dòng họ này đều có tinh thần dân tộc và không câu kết với chính quyền đô hộ để áp bức nhân dân. Xét trên phương diện địa lí, phạm vi ảnh hưởng của các thế lực nói trên hầu hết tập trung tại đồng bằng sông Hồng, cách không xa vùng Hồng Châu của họ Khúc. Thật khó để hình dung rằng khi Khúc Thừa Dụ nổi dậy, ông chỉ dựa vào sức mạnh tự thân của dòng họ mà không có sự hợp lực hay ủng hộ của tầng lớp hào trưởng đương thời. Điều này phù hợp với ghi chép của sử cũ rằng Khúc Thừa Dụ được “lòng người yêu mến, suy tôn làm chúa” (35), “được dân chúng suy tôn” (36). Đó là điểm thứ nhất để nói rằng ở giai đoạn chuẩn bị khởi nghĩa và trong khi khởi sự, họ Khúc đã nhận được sự ủng hộ nhất định của tầng lớp hào trưởng/thủ lĩnh thời bấy giờ.

Sau này khi họ Khúc mất, Dương Đình Nghệ trở thành đại biểu tiên phong khôi phục chủ quyền, thì hầu hết các thế lực còn lại đều ủng hộ ông. Ngô Quyền đầu quân dưới trướng và thành con rể; Đỗ Cảnh Thạc về với Ngô Quyền và cũng đứng trong hàng

ngũ của họ Dương; Đinh Công Trứ và Kiều Công Tiễn trở thành nha tướng; họ Phạm trở thành chỗ dựa tin cậy...

Cách hành xử của các thế lực nổi trội đương thời khi sát cánh bên họ Dương để đánh đuổi quân xâm lược, giành lại chủ quyền cho thấy sự trưởng thành của ý thức độc lập tự chủ và dân tộc tự cường của tầng lớp trên trong xã hội nước ta đầu thế kỉ X. Từ sự tình này ở buổi họ Dương khởi sự, theo cách nhìn hồi cố về giai đoạn Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa, có thể thấy rằng, cũng như họ Dương, cha con họ Khúc thực sự đã tạo lập được mối đoàn kết nhất trí trong nội bộ tầng lớp thủ lĩnh, hào trưởng có tinh thần dân tộc đương thời, dựa trên uy tín của họ Khúc “cự tộc” ở Hồng Châu, dựa trên tinh thần tranh đấu thoát li vòng nội thuộc Trung Hoa để xác lập một chính quyền riêng, một lãnh thổ riêng đã được hun đúc và trao truyền qua nhiều thế hệ mà đến đây, họ Khúc là người đang giương cao lá cờ đại nghĩa đó. Tất cả đã tạo nên sức thu hút cũng như lan toả ảnh hưởng để họ Khúc có thể gia tăng thế lực, hoàn thành công cuộc chuẩn bị cho ngày dựng cờ xưng nghĩa. Để rồi, ngọn cờ độc lập tự chủ nơi họ Khúc sẽ được họ Dương tiếp nối và các thế lực trong nước lại một lần nữa đứng bên họ Dương như đã từng ủng hộ họ Khúc. Đó là điểm thứ hai để nói rằng họ Khúc đã nhận được sự ủng hộ nhất định của các lực lượng dân tộc đương thời.

Một số tín hiệu gián tiếp như trên cho phép nhận định rằng: Để có thể đánh đổ nền thống trị của nhà Đường, giành lại độc lập dân tộc thành công, Khúc Thừa Dụ đã có những bước chuẩn bị chu đáo, không tùy tiện hành động khi thế và lực chưa chín muồi. Ông đã tranh thủ được sự ủng hộ của các hào trưởng có tinh thần yêu nước đương thời (trực tiếp hoặc gián tiếp) để tập hợp lực

lượng, quy tụ sức mạnh dân tộc chờ ngày nổi dậy. Sát cánh bên ông là người con trai tài năng Khúc Hạo, là vị tướng - hào trưởng Dương Đình Nghệ, là vị tướng Phạm Đại Thành (37)... cùng nhiều anh hùng hào kiệt khác. Khi quá trình chuẩn bị đã hoàn tất, chớp thời cơ chính quyền đô hộ đang rệu rã ở đầu thế kỉ X, Khúc Thừa Dụ đã lãnh đạo nhân dân nhất tề vùng dậy đánh chiếm phủ thành đô hộ, đưa nước nhà thoát khỏi hiểm họa hơn nghìn năm Bắc thuộc.

Nhìn chung, các nguồn tư liệu từ chính sử, dã sử đến tài liệu địa phương, thần tích, văn bia... đã cung cấp đôi nét đại lược về công cuộc chuẩn bị cả thế và lực cho ngày nổi dậy của Khúc Thừa Dụ, nhưng các bước cụ thể của quá trình đó đến nay vẫn chưa hội đủ cơ sở tư liệu để làm rõ. Bên cạnh đó, khi thời gian chuẩn bị đã hoàn tất, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra như thế nào? Tiến trình phát triển của nó ra sao? Đó lại là các vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, trước hết là khai thác tối đa các nguồn sử liệu đã có và mở rộng tìm kiếm thêm các nguồn tư liệu mới để có thể đem lại những nhận thức khoa học chân xác, cụ thể hơn về cuộc khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ.

### 3. Về danh hiệu tự xưng của người đứng đầu chính quyền họ Khúc, Dương

Trong *Việt giám thông khảo tổng luận* (đầu thế kỉ XVI), được tích hợp vào phần đầu của *Đại Việt sử kí toàn thư*, Lê Tung từng gọi ba đời họ Khúc là Tiên Chúa, Trung Chúa, Hậu Chúa. Lê Quý Đôn trong sách *Văn đài loại ngữ* (thế kỉ XVIII) cũng gọi Khúc Thừa Dụ là Khúc Tiên Chúa. Ngày nay, tại các đền thờ và nhà thờ họ Khúc còn lưu giữ được một số câu đối cổ, trong đó lặp lại danh hiệu “chúa” đối với Khúc Thừa Dụ và con cháu. Tại đình Cúc Bồ, Ninh Giang, Hải Dương - nơi thờ Khúc Thừa Dụ và Khúc Hạo - có cặp đối liên:

“Thánh đế đại vương lưu vạn phúc  
Tam tiên minh chúa tối linh từ”.

*Nghĩa là:* Vua thánh đại vương lưu vạn phúc/ Ba ngài chúa sáng đèn rất thiêng (38).

Ở nhà thờ họ Khúc Hoè Thị tại Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội có cặp câu đối:

“Nam quốc thiên hưng, tam chúa hùng  
triều phong trấn cổ

Thiên tài địa thắng, nhất bi tiến sĩ vận  
truyền kim”.

*Nghĩa là:* Trời Nam nước hưng, ba chúa triều hùng lưu đất cổ/Thiên tài đất đẹp, một bia tiến sĩ để đời sau (39).

Như vậy, trong nhận thức của các sử gia Việt Nam thời quân chủ cũng như của nhân dân ta, ba đời họ Khúc được tôn xưng không khác gì các bậc đế vương. Đó là sự trọng thị và đánh giá cao vai trò cùng công lao của Khúc Thừa Dụ và con cháu ở buổi đầu đất nước mới giành được độc lập. Nhưng các danh hiệu Tiên Chúa, Trung Chúa, Hậu Chúa phải chăng chỉ là cách gọi của người thời sau vì những đóng góp của họ Khúc hay còn vì thực tế các đời họ Khúc đích thực đã có danh hiệu riêng để người đời từ đó tiếp tục suy tôn họ làm “chúa”? Tìm hiểu thêm về vấn đề danh hiệu tự xưng của người đứng đầu chính quyền họ Khúc và của Dương Đình Nghệ sau này, chúng tôi đã thu được một số tín hiệu đáng chú ý.

Bản thân phả Đỗ Cảnh Thạc (bản dịch quốc ngữ) cho biết Khúc Thừa Dụ đã tự xưng vương tuy bên ngoài vẫn xin nhà Đường phong chức Tiết độ sứ: “Khúc Thừa Dụ là hào trưởng đất Hồng Châu thuộc Cúc Bồ (Ninh Giang - Hải Dương ngày nay), nhân cơ hội nhà Đường đổ nát, năm Bính Dần (906) đòi nhà Đường phải giao chức Tiết độ sứ cho ông. Ngày 7 tháng 2 năm 906, ông xưng là Đồng Bình Vương. Ngày

23 tháng 7 năm 907, ông ốm chết, con là Khúc Thừa Hạo lên thay. Ngày 1 tháng 9 năm 917, Khúc Thừa Hạo chết, con là Khúc Thừa Mĩ lên thay” (40).

Danh hiệu Đồng Bình Vương cho thấy Khúc Thừa Dụ đã có ý thức biệt lập đối với tước phong của Trung Hoa, chứng tỏ vị thế của một người làm chủ lãnh thổ An Nam, thoát khỏi tầm khống chế của phương Bắc. Nếu bản thân phả này do Dương Cát Lợi và Lữ Xử Bình viết năm 970 thì đó là tư liệu quý, có thể bổ sung nhiều điều cho đoạn sử đầu thế kỉ X.

Trong *Thần tích xã Đông Kết, mục Sử quân kỉ* chép về Nguyễn Siêu, có đoạn viết về phụ thân Nguyễn Siêu là Nguyễn Nê (phiên âm): “Nguyễn Nê tài lực quá nhân, anh hùng cái thế, sĩ Tấn Vũ Đế, đại chưởng binh quyền vi Kiêu kị Đại tướng quân, Đô thống Quân Bình Dương Hầu. Thừa Nam quốc loạn phụng mệnh chinh Nam, lư mã tam thiên, tinh binh bát vạn, Nam lai vân tội. Thời Khúc Vương cập Dương Công chủ phế cống khi thiên bất cung triều lễ, Nguyễn Nê đại quân tiến chí Thanh Quả nhi trú yên” (41).

*Nghĩa là:* “Nguyễn Nê có tài năng và sức lực hơn người, là anh hùng cái thế, làm quan thời Tấn Vũ Đế, nắm binh quyền, giữ chức Kiêu kị Đại tướng quân, Đô thống Quân Bình Dương Hầu. Nhân khi nước Nam có loạn, phụng mệnh Nam chinh, lư ngựa ba ngàn, tinh binh tám vạn, tiến sang nước Nam để hỏi tội. Bấy giờ, Khúc Vương và Dương Công chủ trương bỏ việc cống nạp, khinh trời, không cung kính triều lễ, Nguyễn Nê bèn đem đại quân tiến đến Thanh Quả rồi đóng ở đó”.

Trong đoạn văn trên, người đứng đầu chính quyền họ Khúc được gọi là Khúc Vương, còn Dương Đình Nghệ được gọi là Dương Công. Một lần nữa, chúng ta gặp lại

tước “Vương” trong danh xưng của họ Khúc. Cách ghi chép của thần tích xã Đông Kết cho thấy, nếu họ Khúc không có tước hiệu riêng thì nó chỉ cần chép Khúc chúa như cách gọi phổ biến của hậu thế là đủ, không cần thiết phải nêu lên một cách gọi mới, khác biệt so với nhận thức chung của xã hội. Do vậy, nhiều khả năng họ Khúc đã tự xưng vương và hai bản thần phả, thần tích trên chỉ ghi lại những sự việc đã từng tồn tại mà thôi.

Đối với Dương Đình Nghệ, các bộ sử của Việt Nam và Trung Hoa như *Việt sử lược*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Cựu - Tân Ngũ Đại sử*, *Tư trị thông giám*... đều chỉ ghi nhận ông kế tục họ Khúc làm Tiết độ sứ và hoàn toàn không cho biết ông có xưng tước hiệu gì không. Nhưng cũng trong *Việt giám thông khảo tổng luận*, Lê Tung đã gọi Dương Đình Nghệ là Dương Chính Công: “Dương Chính Công nghĩ đất đai của nước Việt ta bị Nam Hán thôn tính bấy lâu, thu dùng hào kiệt, cả dấy nghĩa quân, hai lần đánh bại tướng giặc, thu lại dư đồ” (42). Giữa Lê Tung và tác giả của bản thần tích Nguyễn Siêu (đoạn đã dẫn) có sự tương đồng trong cách gọi Dương Đình Nghệ là “Công” và Lê Tung đã gọi đích danh là Dương Chính Công. Một lần nữa, danh xưng “Dương Chính Công” là của họ Dương tự xưng với tư cách người đứng đầu miền đất nước ta hay chỉ là cách gọi của hậu thế theo một thông lệ nào đó?

Chúng ta lưu ý rằng bản thân Lê Tung khi viết *Việt giám thông khảo tổng luận* đã có ý thức rất rõ về xưng hiệu của các vị đế vương nước Việt và gọi họ theo những danh hiệu/tôn hiệu chính thống, được lịch sử thừa nhận như Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Mai Hắc Đế, Phùng Bố Cái, Ngô Tiên Chủ - Hậu Chủ, Đinh Tiên Hoàng, Lý Nam Đế... Với trường hợp của Dương Đình Nghệ, Lê Tung tất nhiên biết rằng nhân

vật này tiếp nối họ Khúc làm Tiết độ sứ, nếu quả thực họ Dương chưa từng tự đặt hiệu riêng thì Lê Tung có cần thiết phải nhọc công tạo ra một danh hiệu khác hoàn toàn so với các nhà lãnh đạo quốc gia trong lịch sử hay không? Ông có thể viết Dương Chủ/Chúa, Dương Tiết độ hoặc gọi thẳng tên Dương Đình Nghệ là đủ.

Chúng ta cũng lưu ý rằng các sứ quân ở thời sau đã tự xưng là “Công” như Trần Minh Công (Trần Lãm), Đỗ Cảnh Công (Đỗ Cảnh Thạc), Nguyễn Hữu Công (Nguyễn Siêu), Nguyễn Lệnh Công (Nguyễn Thủ Tiệp), Ngô Lãm Công (Ngô Nhật Khánh)... Phải chăng việc xưng “công” đã trở thành một truyền thống, một phong cách chính trị của những hào trưởng đương thời mỗi khi đứng lên dựng đại nghiệp?

Những thông tin hé mở từ một số tài liệu kể trên cho phép đặt giả thiết rằng: Họ Khúc và họ Dương không đơn thuần chỉ nhận mình là Tiết độ sứ mà có thể đã dùng các danh xưng riêng, thể hiện tinh thần độc lập khi nắm quyền.

Vấn đề danh hiệu thực tế khi cai quản đất nước của họ Khúc và họ Dương phản ánh tinh thần độc lập tự chủ và ý thức về chủ quyền lãnh thổ của các nhà lãnh đạo thời bấy giờ. Nó là một trong những cơ sở để đánh giá xác đáng hơn vai trò và đóng góp của các chính quyền dân tộc ở buổi đầu chấm dứt nghìn năm Bắc thuộc, tiến tới xây dựng một thể chế chính quyền nhà nước hoàn chỉnh trong các giai đoạn sau. Vì vậy rất cần có những nghiên cứu chuyên sâu hơn để làm rõ.

#### 4. Nhận xét

*Thứ nhất*, bước vào thế kỷ X, nhà Đường hầu như mất quyền kiểm soát An Nam dù vẫn cố gắng cử quan lại sang cai trị. Viên Tiết độ sứ cuối cùng mà triều đình nhà Đường cử sang An Nam là Độc Cô Tôn trên thực tế chưa kịp đến nơi đã bị gọi về và bị giết.

*Thứ hai*, chưa thể khẳng định chắc chắn thời điểm bùng nổ khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ là năm 905 như quan điểm hiện nay một khi chưa chứng minh thoả đáng việc Chu Toàn Dục đã từng làm Tiết độ sứ ở An Nam. Chu Toàn Dục là viên Tiết độ sứ xen giữa khoảng thời gian Tôn Đức Chiêu và Độc Cô Tổn không sang An Nam nắm quyền. Nếu họ Chu đích thực đã sang An Nam thì thời gian trước và sau khi nắm quyền, ai là người quản lý nước ta? Còn nếu Chu Toàn Dục chưa từng đến An Nam thì từ thời gian phong Tôn Đức Chiêu chức Tiết độ sứ (901) đến năm 906, khi Khúc Thừa Dụ chính thức được thừa nhận là Tiết độ sứ, thì ai là người quản lý nước ta? Người này có thể là Khúc Thừa Dụ và ông đã tự xưng Tiết độ sứ trong khoảng thời gian đó, nhà Đường biết nhưng không khống chế được.

### CHÚ THÍCH

(1). Khuyết danh, *Việt sử lược*, Trần Quốc Vương dịch, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2005, tr. 37.

(2). Ngô Sĩ Liên và các sử thân triều Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính và chú thích, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 188-189.

(3). Lê Tung, *Việt giám thông khảo tổng luận*. In trong *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, sdd, tr. 45.

(4). Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, mục Khu vũ, Trần Văn Giáp dịch, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2006, tr. 154.

(5). Ngô Thì Sĩ, *Đại Việt sử kí tiền biên*, Bản dịch Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 135.

(6). *Đại Việt sử kí tiền biên*, sdd, tr. 133.

(7). Ngô Lan Tu, *Nam Hán kỉ*, nhị, Cao Tổ kỉ, tr. 44. Nguồn:

<http://souyun.cn/eBookIndex.aspx?id=2696>

*Thứ ba*, Khúc Thừa Dụ đã biết nhân thời thế để mưu nghiệp lớn giành lại nền độc lập. Ông không vội vàng khởi nghĩa mà đã từng bước phát triển lực lượng để dần vươn lên trở thành một thế lực mạnh ở An Nam và sau cùng chiếm hẳn miền đất này, khôi phục quyền độc lập tự chủ cho dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn nhiều điều chưa sáng tỏ từ công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ, thời gian chính xác mà khởi nghĩa nổ ra, quy mô và diễn biến của cuộc khởi nghĩa đến hoạt động trị nước trên tất cả phương diện dưới thời Khúc - Dương (ngoại trừ cuộc cải cách của Khúc Hạo) và tước hiệu Vương - Công của người đứng đầu chính quyền họ Khúc, họ Dương. Đó là các vấn đề đã và đang đặt ra đối với các nhà sử học Việt Nam ngày nay để khôi phục diện mạo đích thực của thời Khúc - Dương trong lịch sử dân tộc.

(8). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Bản dịch Viện sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 217-218.

(9). Phan Huy Lê, Trần Quốc Vương, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, tr. 455-456.

(10). Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2012, tr. 450.

(11). Tư Mã Quang, *Tư trị thông giám, quyển 265, Đường kỉ 81*. Nguồn:

<http://www.guoxuedashi.com/a/55f/145262m.html>

(12). Tư Mã Quang, *Tư trị thông giám, quyển 265, Đường kỉ 81*. Nguồn:

<http://www.guoxuedashi.com/a/55f/145262m.html>

(13). Quách Chấn Đạc, Trương Tú Mai (Chủ biên), *Việt Nam thông sử*, Trung Quốc Nhân dân Đại học xuất bản xã, Bắc Kinh, 2002, tr. 238.

(14). Theo Uất Hiên Hạo (Trung Quốc), *Đường thứ sử khảo toàn biên*, An Huy Đại học xuất bản xã, 2000, tr. 3355.

Trong sách *An Nam chí*, Cao Hùng Trưng (thời Thanh, thế kỉ XVII) cho rằng sau sự kiện năm 880, Tăng Cồn tiếp tục giữ chức Tiết độ sứ đến năm 891. Sau Tăng Cồn là Chu Toàn Dục (892 - 904) và Độc Cô Tôn (905). Những thông tin Cao Hùng Trưng đưa ra về thời gian giữ chức của Tăng Cồn và Chu Toàn Dục là không chính xác và cũng không phải sau Tăng Cồn chỉ có hai nhân vật nói trên.

(15). *Đường thứ sử khảo toàn biên*, sdd, tr. 3354-3355.

(16). *Cựu Đường thư, quyển 20 thượng, bản kỉ thứ 12 thượng*. Nguồn:

<http://www.guoxuedashi.com/a/44q/116977c.html>

(17). *Tân Ngũ đại sử, quyển 43, Tạp truyện thứ 31*. Nguồn:

<http://www.guoxuedashi.com/a/48x/140245o.html>

(18). *Tân Ngũ đại sử, quyển 13, Lương gia nhân truyện đệ nhất*. Nguồn:

<http://www.guoxuedashi.com/a/48x/140215g.html>

(19). *Tân Đường thư, Quyển 43 thượng, Chí thứ 33 thượng*. Nguồn:

<http://www.guoxuedashi.com/a/45m/148949y.html>

(20). *Cựu Đường thư, Quyển 38, Chí thứ 18, Địa lí nhất*. Nguồn:

<http://www.guoxuedashi.com/a/44q/116996q.html>

(21). *Đại Việt sử kí tiền biên*, sdd, tr. 135.

(22). Phạm Lê Huy, “Một số vấn đề về phương pháp luận sử học và vấn đề thời điểm bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 444, 2013, tr. 20-36.

Tác giả cho biết: Trong chính sử Trung Hoa, “Rõ ràng có một “độ trễ” nhất định giữa thời điểm sự kiện xảy ra trên thực tế và thời điểm ghi chép. “Độ trễ” đó phát sinh do khoảng cách địa lí giữa An Nam và kinh đô của nhà Đường (Trường An hoặc Lạc Dương). Nó là khoảng thời gian cần thiết để thông tin về sự kiện được truyền từ An Nam (có

thể qua một số điểm trung gian, ví dụ như Quảng châu) đến kinh đô nhà Đường hoặc ngược lại.

(23). *Đường thứ sử khảo toàn biên*, sdd, tr. 3355.

(24). Sử sách của Việt Nam và Trung Hoa chép không thống nhất về nguyên nhân Tăng Cồn phải bỏ thành chạy trốn. *Đại Việt sử kí toàn thư* theo sách *Tư trị thông giám quyển 253* ghi là do “quân loạn”, *An Nam chí lược quyển 9* và *Đại Việt sử kí tiền biên* đều chép do quân Nam Chiếu tấn công. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* theo sách *An Nam chí* cải chính lại, cho rằng Tăng Cồn không bỏ chạy mà dẹp yên được loạn.

(25). *Nguyên văn*:

唐末·南海最後亂·僭宗以後·大臣出鎮者·天下皆亂·無所之·惟除南海而已·自隱始亦自立·是時·交州曲頤·桂州劉士政·邕州葉廣略·容州龐巨昭·分據諸管·盧光稠據虔州以攻嶺上·其弟光睦據潮州·子延昌據韶州·高州刺史劉昌魯·新州刺史劉潛及江東七十餘寨·皆不能制·

Nguồn: <http://www.guoxuedashi.com/a/48x/140267r.html>

(26). Theo Nguyễn Khắc Thuần, *Trông lại ngàn xưa, tập 1*, mục Chuyện chị dâu trưởng của ở Vạn Tiên Sinh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 136.

(27). Trần Bạch Đằng (Chủ biên), Phan An, Đinh Văn Liên, Tôn Nữ Quỳnh Trân, Nguyễn Khắc Thuần, *Lịch sử Việt Nam bằng tranh (bộ dày)*, tập 2: *Chống quân xâm lược phương Bắc*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2015, tr. 254-264.

(28). Khuyết danh (soạn năm 1124), *Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh* (Văn bia chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni), bản dịch in trong Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 425; *Thiên uyển tập anh*, Quyển hạ, truyện Thiên sư Pháp Dung, Ngô Đức Thọ-Nguyễn Thúy Nga dịch và chú giải, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2014, tr. 203 cũng chép sự là con cháu của Lê Lương; dòng họ Lê qua 15 đời đều là vọng tộc trong vùng.

(29). *Thiên uyển tập anh*, sdd, Quyển hạ, truyện Thiên sư Đinh Không, phân nguyên bản chữ Hán, tr. 326.

(30). Xem thêm: *Thiên uyển tập anh*, sdd, Quyển hạ, truyện thiên sư Đinh Không và La Quý.

(31). *Đại Việt sử kí toàn thư*, sdd, tr. 193.

(32). *Thần tích xã Văn Uyên và xã Đông Phù Liệt*. Theo Nguyễn Danh Phiệt, *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 33.

(33). *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*, phần Phụ lục, sdd, tr. 183.

(34). Theo *Thần phả thờ Đỗ tướng công*.

Nguồn: [http://hodovietnam.vn/index.php?option=com\\_content&task=view&id=2952&Itemid=32](http://hodovietnam.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=2952&Itemid=32).

Đây là bản sao quốc ngữ, hiện lưu ở quán Tam Xã, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội. “quán Tam Xã thờ Đỗ Cảnh Thạc làm thành hoàng của ba xã: Sài Khê, Đa Phúc và Thụy Khuê (nay là ba thôn thuộc xã Sài Sơn), mỗi thôn lại có đình riêng thờ vọng Đỗ Tướng công. Thần phả này theo văn bản là do Dương Cát Lợi và Lữ Xử Bình, bạn đồng liêu của Đỗ Cảnh Thạc lập ngày 8 tháng giêng năm Canh Ngọ (970) khi họ về Sài Sơn thăm mộ Đỗ Cảnh Thạc sau ngày Ngài mất 2 năm. Phùng Khắc Khoan đề tựa ngày mồng 1 tháng tư năm Nhâm Dần (1602) khi ông về nghỉ mát tại chùa Thầy có đến dâng hương thành hoàng được các cụ trong làng nhờ đọc Thần phả. Thần phả này người cuối cùng dịch chữ Hán là cụ từ Phan Hữu Hanh, người cuối cùng sao lục ra Quốc ngữ là cụ Phan Văn Mưu người Đa phúc, đã ghi *Lời nói đầu* cho cuốn Thần phả này ngày mồng 4 tháng giêng năm Bính Tuất (1946)” (*Theo Phan Bá Át, Vấn đề nghiên cứu thần phả trường hợp Tướng công Đỗ Cảnh Thạc*, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, số 356 (2-2014). Nguồn: <http://www.vhnt.org.vn/tin-tuc/tu-lieu-trong-nuoc/29030/van-de-nghien-cuu-than-pha-truong-hop-tuong-cong-do-canh-thac>).

Bản thần phả cho biết chi tiết về cuộc đời và sự nghiệp của Đỗ Cảnh Thạc từ thuở chiêu tập lực lượng rồi theo về dưới ngọn cờ cứu nước của Dương

Đình Nghệ (trực tiếp dưới trướng Ngô Quyền) đến khi đánh trận Bạch Đằng, trở thành công thần triều Ngô và là một sứ quân sau khi nhà Ngô đổ. Trong thần phả có một số chi tiết phản ánh hoạt động quân sự của các lực lượng dân tộc sau khi chính quyền họ Khúc sụp đổ (năm 930).

(35). Lê Tung, *Việt giám thông khảo tổng luận*. In trong *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, sdd, tr. 45.

(36). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, sdd, tr. 217.

(37). Theo thần phả làng Đại Truyền, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Dẫn ý từ Vũ Thanh Sơn, *Bách thần đất Việt*, tập 7 (*Các vị thần thời Ngô Quyền đến Tiền Lê*), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2011, tr. 28. Sách này cho biết: “Phạm Đức Dũng sinh ngày 4 tháng Giêng năm Kỷ Mùi (899), quê ở thôn Đạo Truyền, xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Cha là Phạm Đại Thành làm quan trong phủ Tiết độ sứ Khúc Hạo (907 — 917), có nhiều công lao. Mẹ là Ngô Thị Thứ quê ở trang Cổ Thọ. Lớn lên, Phạm Đức Dũng theo cha ở trong phủ Tiết độ sứ, học được võ nghệ. Năm Nhâm Thìn (932), Phạm Đức Dũng 33 tuổi, ông đưa 20 tráng đinh có võ nghệ theo Dương Đình Nghệ” (tr. 28).

(38). Khúc Thừa Đại, Khúc Lễ, *Một số di sản văn hoá họ Khúc Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Khúc Thừa Dụ và họ Khúc trong lịch sử dân tộc*, Bảo tàng Hải Dương, 1999, tr. 132.

(39). *Một số di sản văn hoá họ Khúc Việt Nam*, tidd, tr. 132.

(40). *Thần phả thờ Đỗ tướng công*.

Nguồn: [http://hodovietnam.vn/index.php?option=com\\_content&task=view&id=2952&Itemid=32](http://hodovietnam.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=2952&Itemid=32).

(41). *Đông Kết xã thần tích, Sử quân kỉ*. Bản phiên âm của Mai Hồng, in trong *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*, phần Phụ lục, sdd tr. 187. Đoạn nói về Khúc Vương và Dương Công được Mai Hồng dịch là “chủ ý phế bỏ cống nạp”, hơi thoát ý so với nguyên tác nên chúng tôi dịch lại.

(42). Lê Tung, *Việt giám thông khảo tổng luận*. In trong *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, sdd, tr. 45.